

**CÔNG TY CỔ PHẦN SOMAC GROUP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SOMAC GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SOMAC GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110471393

**3. Ngày thành lập:** 08/09/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

17 Phố Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0248921019

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Giáo dục nhà trẻ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8511     |
| 2.  | Giáo dục mẫu giáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8512     |
| 3.  | Giáo dục tiểu học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8521     |
| 4.  | Giáo dục trung học cơ sở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8522     |
| 5.  | Giáo dục trung học phổ thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8523     |
| 6.  | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8531     |
| 7.  | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8532     |
| 8.  | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8533     |
| 9.  | Đào tạo đại học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8541     |
| 10. | Đào tạo thạc sỹ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8542     |
| 11. | Đào tạo tiến sỹ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8543     |
| 12. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8551     |
| 13. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8552     |
| 14. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);<br>- Giáo dục dự bị;<br>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;<br>- Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;<br>- Dạy máy tính | 8559     |

|     |                                                                                                                                                                                                                |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 15. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: Việc cung cấp các dịch vụ không phải dạy học mà là hỗ trợ cho hệ thống hoặc quá trình giảng dạy:<br>- Tư vấn giáo dục,<br>- Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục,  | 8560        |
| 16. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, hôn nhân có yếu tố nước ngoài)                                | 6619        |
| 17. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)                                                                                                 | 7020(Chính) |
| 18. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (trừ Trung tâm dịch vụ việc làm) | 7810        |
| 19. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                     | 7820        |
| 20. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động                                                                                                                                                                             | 7830        |

**6. Vốn điều lệ:** 100.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 10.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức         | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN THỊ<br>DUNG | Thôn 9, Xã Yên<br>Sở, Huyện Hoài<br>Đức, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam                     | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 1.500         | 15.000.000               | 15,000       | 0011950152<br>83                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                            | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                            | Tổng số                            | 1.500         | 15.000.000               | 15,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                            |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | LÊ ANH HUY         | 17 Phố Thụy<br>Khuê, Phường<br>Thụy Khuê, Quận<br>Tây Hồ, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 500           | 5.000.000                | 5,000        | 0012040363<br>13                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                            | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                            | Tổng số                            | 500           | 5.000.000                | 5,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                            |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |             |                                                                             |                           |       |            |        |              |
|---|-------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------|------------|--------|--------------|
| 3 | LÊ TUẤN DUY | 17 Phố Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 8.000 | 80.000.000 | 80,000 | 001079018909 |
|   |             |                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0     | 0          | 0,000  |              |
|   |             |                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0     | 0          | 0,000  |              |
|   |             |                                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0     | 0          | 0,000  |              |
|   |             |                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0     | 0          | 0,000  |              |
|   |             |                                                                             | Tổng số                   | 8.000 | 80.000.000 | 80,000 |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ TUẤN DUY

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 02/05/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001079018909

Ngày cấp: 04/05/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 17 Phố Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 17 Phố Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội